

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MAI SƠN
TỈNH SƠN LA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 108/2021/QĐST-HNGĐ

Mai Sơn, ngày 27 tháng 4 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MAI SƠN, TỈNH SƠN LA

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 121/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 4 năm 2021 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Lê Thị Y, sinh năm 1992. Địa chỉ: Bản Ph, L, xã Ch, L, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

- Anh Nguyễn Thành L, sinh năm 1986; Địa chỉ: Tiểu khu B, M, xã C,N, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Chị Lê Hải Y và anh Nguyễn Thành L kết hôn trên cơ sở tự nguyện từ năm 2014 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, không ai bị ép buộc khi cả hai đã đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật. Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La vào ngày 6/4/2014.

Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 1 năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn vợ chồng. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị tính cách không hợp nhau thường xuyên mâu thuẫn cãi cọ xúc phạm nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Mặc dù anh chị đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không thành. Vì vậy anh chị đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2015 cho đến

nay. Sau thời gian ly thân anh chị đều nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm không thể hàn gắn, mẫu thuẫn trầm trọng, không thể duy trì cuộc sống chung nên thống nhất thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải, chị Y, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Xét thấy hai bên thật sự tự nguyện ly hôn nên căn cứ Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của chị Y, anh L.

[2] Về con chung: Chị Y, anh L có 01 con chung là cháu Nguyễn thị Huyền Trang, sinh ngày 22/03/2015. Vợ chồng thống nhất thỏa thuận, sau khi ly hôn anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc, giáo dục hai cháu Trang cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L do anh L không yêu cầu. Thỏa thuận về trách nhiệm nuôi dưỡng con chung của hai anh chị là tự nguyện, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên, phù hợp với điều kiện của hai bên nên cần chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Y, anh L xác nhận không có tài sản chung. Nên không đề nghị Tòa án giải quyết xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[4] Về nợ chung: Chị Y, anh L xác nhận trong thời kỳ hôn nhân không có nợ chung và cũng không cho ai vay nợ. Nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

[5] Về lệ phí Tòa án: Chị Y tự nguyện chịu nộp toàn bộ lệ phí tòa án là 300.000 đồng.

Xét thấy: Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 4 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị L Thị Y và anh Nguyễn Thành L nhất trí thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Y, anh L thống nhất sau khi ly hôn anh L là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc và giáo dục cháu Nguyễn Thị Huyền Trang, sinh ngày 22/03/2015 cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi) và chị Y không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh L do anh L không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, chị Y được quyền thăm nom con theo quy định, không ai được cản trở chị Y thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị Y, anh L xác nhận không có tài sản chung cũng như nợ chung của vợ chồng. Nên không đề nghị Tòa án giải quyết xem xét. Nếu sau này có tranh chấp và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết ở một vụ án khác.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Lê Thị Y tự nguyện chịu nộp toàn bộ lệ phí yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000VNĐ đã nộp theo Biên lai thu Tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2019/0001917 ngày 02 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Mai Sơn.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mai Sơn;
- UBND xã Cò Nòi, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Các đương sự;
- L: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Hà Minh Quân